



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY CP QUỐC TẾ SƠN HÀ

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2016

Số: 57/2016/CV-SHI
"Báo cáo tài chính quý I năm 2016"

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty CP Quốc tế Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHI

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566

Fax: 84-4-62656588

Người thực hiện công bố thông tin: Đàm Quang Hùng

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566

Fax: 84-4-62656588

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công ty CP Quốc tế Sơn Hà công bố Báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/04/2016 tại đường dẫn www.sonha.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu HCNS.

Người thực hiện công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đàm Quang Hùng

(*): - Đối với công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép thành lập và hoạt động/...; Điều lệ; Quy chế Quản trị Công ty có thay đổi/điều chỉnh, cần nêu rõ nội dung các thay đổi/điều chỉnh so với lần công bố thông tin trước;

- Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố, cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | số | t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,088,550,782,018 | 1,147,993,675,870 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 42,131,489,476 | 20,292,179,710 |
| 1. Tiền | 111 | | 42,131,489,476 | 20,292,179,710 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | | |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng | 122 | | | |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 606,343,195,785 | 668,128,700,683 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 389,877,531,097 | 503,153,967,554 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 34,874,843,075 | 6,216.439,175 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | | |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây | 134 | | | |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 117,900,443,249 | 120,500,443,249 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 68,092,003,811 | 42,658,250,662 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (4,601,707,985) | (4,601,707,985) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 200,082,538 | 201,308,028 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 433,477,016,047 | 453,232,287,218 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.2 | 433,477,016,047 | 462,830,488,881 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | V.3 | | (9,598,201,663) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6,599,080,710 | 6,340,508,259 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 5,294,933,088 | 4,496,507,138 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1,304,147,622 | 1,844,001,121 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.11 | | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | V.12 | | - |

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp(tiếp theo)

| TÀI SẢN | số | t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 487,180,991,287 | 464,619,691,257 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 12,742,024,098 | 12,742,024,098 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 12,563,428,598 | 12,563,428,598 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 178,595,500 | 178,595,500 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 160,744,643,850 | 158,636,943,816 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.13 | 147,660,846,920 | 145,303,921,811 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 224,160,852,256 | 217,413,829,864 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế(*)</i> | 223 | | (76,500,005,336) | (72,109,908,053) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.14 | 3,303,830,782 | 3,401,002,318 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 3,886,859,998 | 3,886,859,998 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 226 | | (583,029,216) | (485,857,680) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.15 | 9,779,966,148 | 9,932,019,687 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 14,442,852,269 | 14,442,852,269 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 229 | | (4,662,886,121) | (4,510,832,582) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 10,445,000,000 | 10,445,000,000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 10,445,000,000 | 10,445,000,000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 59,269,054,118 | 57,545,305,632 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 59,269,054,118 | 57,545,305,632 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 238,046,732,480 | 222,478,247,184 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.17 | 223,814,851,500 | 202,617,351,500 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.18 | 54,000,000,000 | 54,000,000,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 2,710,000,000 | 2,710,000,000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (42,478,119,020) | (36,849,104,316) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5,933,536,741 | 2,772,170,527 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.21 | 5,933,536,741 | 2,772,170,527 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.22 | | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,575,731,773,305 | 1,612,613,367,127 |

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | số t | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 861,788,255,311 | 922,048,465,548 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 792,052,580,343 | 863,171,220,921 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 69,089,646,469 | 101,235,108,691 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5,591,124,628 | 6,698,307,395 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 8,421,190,649 | 12,788,382,542 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 7,964,333,656 | 7,699,235,960 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 6,107,216,445 | 4,927,394,157 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế | 317 | | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 474,294,243 | 695,261,889 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 693,624,318,381 | 728,382,337,765 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | 780,455,872 | 745,192,522 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính chủ | 324 | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 69,735,674,968 | 58,877,244,627 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 3 | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 913,590,500 | 913,590,500 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 68,822,084,465 | 57,963,654,127 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 713,943,517,994 | 690,564,901,579 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 V.31 | 713,943,517,994 | 690,564,901,579 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 547,107,230,000 | 547,107,230,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 16,061,097,352 | 16,061,097,352 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | (9,484,460,000) | (9,484,460,000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 11,572,710,816 | 11,572,710,816 |

3776
 NG T
 PHẢI
 ÔC TẾ
 N H
 LIÊM-T

| | | | |
|---|------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 148,686,939,826 | 125,308,323,411 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr | 421a | 125,308,323,408 | 55,253,872,251 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 23,378,616,418 | 70,054,451,160 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | - | - |
| 3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | <u>1,575,731,773,365</u> | <u>1,612,613,367,127</u> |

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2016

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu

Kế toán trưởng






Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý I Năm 2016

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết | | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-----------|------|-----------------|-----------------|------------------------------------|-----------------|
| | Số | minh | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 401,682,894,293 | 441,751,893,786 | 401,682,894,293 | 441,751,893,786 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 8,732,543,330 | 29,432,728,505 | 8,732,543,330 | 29,432,728,505 |
| 3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 392,950,350,963 | 412,319,165,281 | 392,950,350,963 | 412,319,165,281 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 316,880,907,358 | 344,739,530,316 | 316,880,907,358 | 344,739,530,316 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 76,069,443,605 | 67,579,634,965 | 76,069,443,605 | 67,579,634,965 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2,551,995,322 | 2,668,681,534 | 2,551,995,322 | 2,668,681,534 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 15,470,526,055 | 15,225,214,731 | 15,470,526,055 | 15,225,214,731 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 9,739,620,053 | 12,430,099,673 | 9,739,620,053 | 12,430,099,673 |
| 8 Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 26,749,327,476 | 23,823,265,587 | 26,749,327,476 | 23,823,265,587 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 7,288,711,137 | 5,553,457,662 | 7,288,711,137 | 5,553,457,662 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 29,112,874,259 | 25,646,378,519 | 29,112,874,259 | 25,646,378,519 |
| 11 Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 119,300,568 | 156,099,015 | 119,300,568 | 156,099,015 |
| 12 Chi phí khác | 32 | VI.8 | 8,904,305 | 18,227,908 | 8,904,305 | 18,227,908 |
| 13 Lợi nhuận khác | 40 | | 110,396,263 | 137,871,107 | 110,396,263 | 137,871,107 |
| 14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 29,223,270,522 | 25,784,249,626 | 29,223,270,522 | 25,784,249,626 |
| 15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 5,844,654,104 | 5,672,534,918 | 5,844,654,104 | 5,672,534,918 |

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Kết quả kinh doanh tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý I | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | | | |
| 17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>23,378,616,418</u> | <u>20,111,714,708</u> | <u>23,378,616,418</u> | <u>20,111,714,708</u> |
| 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | | | |
| 19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | | | | |

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2016

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, VN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thu yết min h | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|------------------------|------------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 29,223,270,522 | 25,784,249,626 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 4,639,322,358 | 6,600,564,930 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (3,969,186,959) | 597,733,263 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | | |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (2,143,593,383) | (2,441,430,221) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 9,739,620,053 | 12,430,099,673 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 37,489,432,591 | 42,972,217,271 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 63,692,435,434 | (12,099,863,354) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 29,353,472,834 | (22,487,612,794) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | (38,266,423,801) | (48,458,951,840) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (3,959,792,164) | (4,011,324,344) |
| - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (10,400,184,425) | (13,470,961,175) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (3,313,550,472) | (2,331,581,427) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 98,263,350 | 190,142,377 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (63,000,000) | (27,376,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 74,630,653,347 | (59,720,311,286) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10,570,126,588) | (47,768,354,628) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác | 23 | | | (10,000,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2,600,000,000 | 37,659,234,915 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (21,197,500,000) | |



| | | | |
|--|-----------|-------------------------|------------------------|
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 16,500,000,000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (29,167,626,588) | (3,609,119,713) |

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|------------|------------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | | 14,999,670,000 |
| 2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 342,421,351,899 | 436,012,572,622 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (365,820,068,892) | (426,660,458,101) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (225,000,000) | (343,500,000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | | (9,898,398,900) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (23,623,716,993) | 14,109,885,621 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 21,839,309,766 | (49,225,545,378) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 20,292,179,710 | 93,683,846,233 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 42,131,489,476 | 44,458,300,564 |

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Lê Vinh Sơn

Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|--|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Tổng hợp Sơn Hà | Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại) | 71,13% | 71,13% | 71,13% |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam | Lô CN 1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội | Sản xuất các sản phẩm bằng inox | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An | Khu B khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Sản xuất các sản phẩm bằng inox | 100% | 100% | 100% |

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn có trụ sở chính tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, ống công nghiệp, ống trang trí. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|-----------------------|---|
| Chi nhánh Thanh Hóa | Số 50, đường Lê Đình Chinh, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa |
| Chi nhánh Nghệ An | Số 381, khối Tân Phú, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An |
| Chi nhánh Ninh Bình | Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |
| Chi nhánh Hải Dương | Thôn Tiên, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương |
| Chi nhánh Xuân Mai | Thôn Yên Kiện, xã Đông Dương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Sóc Sơn | Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Thái Nguyên | Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên |
| Chi nhánh Tuyên Quang | Thôn Hợp Hòa 2, xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |
| Chi nhánh Phú Thọ | Khu 4, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |
| Chi nhánh Vinh | Xóm 14 Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| Chi nhánh Quảng Bình | Thôn 7, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình |
| Chi nhánh Cẩm Phả | Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |
| Chi nhánh Hà Tĩnh | Quốc lộ 1A, xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |
| Chi nhánh Vĩnh Phúc | Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| Chi nhánh Sơn La | (Cạnh cổng nhà máy xi măng Chiềng Sinh), đường Lê Duẩn, Tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La |
| Chi nhánh Hòa Bình | Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình |
| Chi nhánh Bắc Giang | Số nhà 83, thông Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang |
| Chi nhánh Thái Bình | Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |
| Chi nhánh Thanh Hóa 2 | Thôn Tân Quý, xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa |
| Chi nhánh Đà Nẵng | Lô số A-212 A-214 Phạm Hùng, KDC Nam Cầu Cẩm Lệ, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng |
| Chi nhánh Hà Nam | Thửa đất số 19, tờ bản đồ số p110 phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam |
| Chi nhánh Bắc Ninh | Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| Chi nhánh Cao Bằng | Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |
| Chi nhánh Quốc Oai | Bên cạnh cây xăng, Cửa Sâu, thông Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Quảng Trị | Thửa đất số 396, thôn Phước Mỹ, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị |
| Chi nhánh Nam Định | Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định |
| Chi nhánh Hưng Yên | Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| Chi nhánh Yên Bái | Km 10, tổ 4, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Chi nhánh Lào Cai | Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị

Địa chỉ

thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1021 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 985 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, liên kết. Nếu công ty con, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm/kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 – 50 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 |

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 – 5 năm (theo thời hạn sử dụng của phần mềm).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Tiền mặt | 15,718,953,380 | 3,047,226,153 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 26,412,536,096 | 17,244,953,557 |
| Cộng | <u><u>42,131,489,476</u></u> | <u><u>20,292,179,710</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 223,814,851,500 | (42,478,119,020) | 181,336,732,480 | 202,617,351,500 | (36,849,104,316) | 165,768,247,184 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển TM Tổng hợp Sơn Hà ⁽ⁱ⁾ | 110.917.351.500 | (42,478,119,020) | 68,439,232,480 | 110.917.351.500 | (36,849,104,316) | 74,068,247,184 |
| Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾ | 12,897,500,000 | | 12,897,500,000 | | | |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP VN ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 80,000,000,000 | | 80,000,000,000 | 80,000,000,000 | | 80,000,000,000 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An ^(iv) | 20,000,000,000 | | 20,000,000,000 | 11,700,000,000 | | 11,700,000,000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 54,000,000,000 | | 54,000,000,000 | 54,000,000,000 | | 54,000,000,000 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ^(v) | 54,000,000,000 | | 54,000,000,000 | 54,000,000,000 | | 54,000,000,000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 2.710.000.000 | | 2.710.000.000 | 2.710.000.000 | | 2.710.000.000 |
| Công ty Bất động sản Havico | 2.710.000.000 | | 2.710.000.000 | 2.710.000.000 | | 2.710.000.000 |
| Cộng | 280,524,851,500 | (42,478,119,020) | 238,046,732,480 | 259,327,351,500 | (36,849,104,316) | 222,478,247,184 |

(i) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng) để nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex. Năm 2012, Công ty Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex tăng vốn điều lệ lên 63.932.530.000 VND phát hành cho các cổ đông khác, theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty còn 71,13%. Ngày 03/12/2015 Công ty Cổ phần ĐT và KD TM Vinaconex đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển thương mại Tổng hợp Sơn Hà .

- (ii) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà với số tiền là: 12.897.500.000 VND, tương đương 51.59% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016 Công ty đã góp đủ vốn.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045 ngày 08 tháng 09 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam là 80.000.000.000 VND. Đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2016, Công ty đã góp đủ vốn.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901793277 ngày 28 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An là 20.000.000.000 VND. Đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2016, Công ty đã góp đủ vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 24.000.000.000 VND, tương đương với 30% vốn điều lệ. Ngày 30/10/2015 Công ty đã mua thêm 3.000.000 cổ phiếu tương đương với 30.000.000.000, VNĐ. Đến thời điểm 31/03/2016 Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn là 54.000.000.000 VND, tương đương với 30% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An đang trong giai đoạn xây dựng, đầu tư nhà máy. Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | (36,849,104,316) | (20,737,628,420) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (5,629,014,704) | (1,658,286,223) |
| Số cuối kỳ | (42,478,119,020) | (22,395,914,643) |

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (Vinaconex) | | |
| Cho Vinaconex vay | | |
| Vinaconex thanh toán tiền vay cho Công ty | | |
| Chuyển nợ thành gốc vay | | |
| Lãi cho Vinaconex vay | 2,003,396,000 | 2,226,457,000 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn) | | |
| Bán hàng hóa, thành phẩm cho Sơn Hà Sài Gòn | 757,659,635 | 67,586,002,072 |
| Cho Sơn Hà SG thuê tài sản | | |
| Thuê tài sản của Sơn Hà Sài Gòn | | 39,860,970 |
| Vận chuyển hàng hóa cho Sơn Hà Sài Gòn | | |
| Mua nguyên vật liệu của Sơn Hà Sài Gòn | 372,572,340 | 740,145,460 |
| Mua TSCĐ của Sơn Hà Sài Gòn | | |
| Lãi cho Kiến Hưng vay | | 614.117.380 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP VN | | |
| Bán hàng hóa, thành phẩm cho SSP | 57,519,703,663 | |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cung cấp dịch vụ khác | 837,863,278 | |
| Mua hàng hóa, thành phẩm của SSP | 1,445,266,046 | |
| SSp cung cấp dịch vụ khác | 142,718,286 | |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | | |
| Góp vốn sang Công ty Sơn Hà Nghệ An | 8,300,000,000 | |
| Công ty CP Hiway Việt Nam | | |
| Bán hàng hóa, thành phẩm cho | 28,409,574,050 | |
| Cho vay ngắn hạn | | 7,000,000,000 |
| Mua hàng hóa, thành phẩm của | | 1,469,090,909 |
| Hiway thanh toán tiền vay | | 7,000,000,000 |
| Chuyển nợ thành gốc vay | | |
| Lãi vay | 140,197,383 | 214,973,221 |
| Cho Hiway thuê tài sản | | 16,500,000 |
| Khác | | |

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

- Toàn bộ cổ phiếu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư PT Thương mại Tổng Hợp Sơn Hà được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTĐTH ngày 22 tháng 6 năm 2012.
- Một phần cổ phiếu của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (2.320.000 cổ phiếu trong tổng số 5.400.000 cổ phiếu) đang cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây. Các quyền lợi phát sinh từ cổ phiếu này cũng sẽ bị cầm cố.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 131,390,572,454 | 215,550,834,889 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 1,167,679,671 | 8,744,083,645 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP VN | 127,533,206,773 | 206,806,751,244 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | 2,689,686,010 | |
| Phải thu các khách hàng khác | 258,486,958,643 | 287,603,132,665 |
| Cộng | 389,877,531,097 | 503,153,967,554 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | | |
| Trả trước cho người bán khác | 34,874,843,075 | 6,216,439,175 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD (NK) | 1,989,545,186 | 1,491,894,084 |
| Công ty CP Cơ giới và XD Gia Lâm | | 871,244,520 |
| Công ty TNHH Phát Triển nhà đất SHUN- FAR | 5,730,898,000 | |
| Inox - JINDAL STAINLESS LIMITED (NK) | 8,505,384,187 | |
| Các nhà cung cấp khác | 18,649,015,702 | |
| Cộng | <u>34,874,843,075</u> | <u>6,216,439,175</u> |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | <u>117,900,443,249</u> | <u>120,500,443,249</u> |
| Cho Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam với lãi suất bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các ngân hàng Sơn Hà đi vay | 8,532,723,182 | 8,532,723,182 |
| Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex vay với lãi suất bằng lãi suất bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các ngân hàng Sơn Hà đi vay | 109,367,720,067 | 109,367,720,067 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | <u>2,600,000,000</u> |
| Cộng | <u>117,900,443,249</u> | <u>120,500,443,249</u> |

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | <u>12.563.428.598</u> | <u>12.563.428.598</u> |
| Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex vay (*) | 12.563.428.598 | 12.563.428.598 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | |
| Cộng | <u>12.563.428.598</u> | <u>12.563.428.598</u> |

(*) Theo Hợp đồng thanh toán công nợ số 0207A/2011/HĐ - PC giữa Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam – Vinaconex (bên A), Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên B), Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex nay đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Phát triển TM Tổng hợp Sơn Hà (bên C) ngày 25 tháng 7 năm 2011, bên B sẽ trả nợ thay bên C số tiền mà bên C còn nợ bên A đến thời điểm đến thời điểm 24 tháng 7 năm 2011 là 30.874.000.000 VND. Hiện tại bên C đã trả một phần công nợ và tính đến thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2016 bên C còn nợ công ty là 12.563.428.598 VND.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 25,930,271,765 | | 25,790,074,382 | |
| Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam - Tiền thuê xe | 155,711,753 | | 155,711,753 | |
| Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam - Lãi cho vay | 140,197,383 | | | |
| Hội đồng quản trị - tiền tạm ứng | 25,634,362,629 | | 25,634,362,629 | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 42,161,732,046 | | 16,868,176,280 | |
| Thuế GTGT chờ khấu trừ | 146 307 269 | | 454,947,627 | |
| Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN Nhà máy Phùng | 672,952,000 | | 672,952,000 | |
| Phải thu tiền lãi cho vay | | | | |
| Tiền tạm ứng | 27,123,577,529 | | 13,030,826,563 | |
| Ký cược, ký quỹ | 786,338,780 | | 770,431,107 | |
| Các khoản phải thu khác | 13,432,556,468 | | 1,939,018,983 | |
| Cộng | 68,092,003,811 | | 42,658,250,662 | |

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | |
|---|-------------------------|----------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các bên liên quan</i> | | | | | | |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | | | |
| Thái Nguyên - Đại lý Lãng Thịnh (Công ty TNHH Thái Hòa) | 1 năm đến dưới 2 năm | 1,016,578,621 | 711,605,037 | 1 năm đến dưới 2 năm | 1,016,578,621 | 711,605,037 |
| Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim Loại Việt | 2 năm đến dưới 3 năm | 3,540,903,520 | 1,770,451,760 | 1 năm đến dưới 2 năm | 3,540,903,520 | 1,770,451,760 |
| Công ty TNHH Inox Hùng Anh | 2 năm đến dưới 3 năm | 1,891,351,348 | 945,675,674 | 1 năm đến dưới 2 năm | 1,891,351,348 | 945,675,674 |
| Khách hàng khác | | 2,292,453,864 | 711,846,897 | | 2,292,453,864 | 711,846,897 |
| Cộng | | 8,741,287,353 | 4,139,579,368 | | 8,741,287,353 | 4,139,579,368 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn | Nợ phải thu, cho vay dài hạn | Cộng |
|----------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (4,601,707,985) | | (4,601,707,985) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | | | |
| Hoàn nhập dự phòng | | | |
| Số cuối kỳ | (4,601,707,985) | | (4,601,707,985) |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 26,626,011,492 | | 40,197,991,121 | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 211,165,208,348 | | 264,074,593,678 | |
| Công cụ, dụng cụ | 2,515,308,097 | | 2,074,342,675 | |
| Thành phẩm | 135,474,409,955 | | 103,924,917,938 | |
| Hàng hóa | 57,696,078,155 | | 52,558,643,469 | |
| Cộng | 433,477,016,047 | | 462,830,488,881 | |

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 379,507,011 | 416,596,964 |
| Công cụ dụng cụ | 418,427,324 | 379,883,738 |
| Chi phí quảng cáo | 612,118,619 | 803,328,426 |
| Chi phí thuê nhà | 2,077,234,966 | 2,338,829,301 |
| Chi phí khác | 1,807,645,168 | 557,868,709 |
| Cộng | 5,294,933,088 | 4 496 507 138 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ | 3,832,243,272 | 1,784,326,940 |
| Chi phí thuê nhà | 100,000,000 | 130,000,000 |
| Chi phí quảng cáo | 1,417,171,710 | |
| Các chi phí khác | 584,121,759 | 857,843,587 |
| Cộng | 5,933,536,741 | 2,772,170,527 |

10. Tài sản cố định hữu hình

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 69,848,013,313 | 83,677,016,625 | 57,079,212,270 | 6,809,587,656 | 217,413,829,864 |
| Mua trong kỳ | 492,434,546 | 3,699,651,482 | 2,554,936,364 | | 6,747,022,392 |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | | | | | |
| Giảm do góp vốn sang CTY SSP và giảm do thanh lý, nhượng bán. | | | | | |
| Số cuối kỳ | 70,340,447,859 | 87,376,668,107 | 59,634,148,634 | 6,809,587,656 | 224,160,852,256 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 12,437,144,513 | 37,252,290,158 | 17,523,645,316 | 4,896,828,066 | 72,109,908,053 |
| Khấu hao trong kỳ | 542,307,433 | 2,327,251,397 | 1,358,599,737 | 161,938,716 | 4,390,097,283 |
| Mua lại tài sản thuê tài chính | | | | | |
| Giảm do góp vốn sang CTY SSP và giảm do thanh lý, nhượng bán. | | | | | |
| Số cuối kỳ | 12,979,451,946 | 39,579,541,555 | 18,882,245,053 | 5,058,766,782 | 76,500,005,336 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 57,410,868,800 | 46,424,726,467 | 39,555,566,954 | 1,912,759,590 | 145,303,921,811 |
| Số cuối kỳ | 57,360,995,913 | 47,797,126,552 | 40,751,903,581 | 1,750,820,874 | 147,660,846,920 |

11. Tài sản cố định thuê tài chính

| Là phương tiện vận tải, truyền dẫn | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 3,886,859,998 | 485,857,680 | 3,401,002,318 |
| Tăng trong kỳ | | 97,171,536 | |
| Giảm trong kỳ | | | |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | | | |
| Số cuối kỳ | 3,886,859,998 | 583,029,216 | 3,303,830,782 |

Theo hợp đồng thuê tài sản số 50/2014/TSC-CTTC ngày 05 tháng 8 năm 2014, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 11.160.608.991 | 3,282,243,278 | 14,442,852,269 |
| Mua trong kỳ | | | |
| Số cuối kỳ | 11.160.608.991 | 3,282,243,278 | 14,442,852,269 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2,083,087,898 | 2,427,744,684 | 4,510,832,582 |
| Khấu hao trong kỳ | 59 364 942 | 92 688 597 | 152,053,539 |
| Số cuối kỳ | 2,142,452,840 | 2,520,433,281 | 4,662,886,121 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 9,077,521,093 | 854,498,594 | 9,932,019,687 |
| Số cuối kỳ | 9,018,156,151 | 761,809,997 | 9,779,966,148 |

13. Bất động sản đầu tư

13a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Là nhà và quyền sử dụng đất mua trong kỳ.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế/ Tồn thất do suy giảm giá trị</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|-------------------|---|------------------------|
| Biệt thự Vân Canh | 10.445.000.000 | | 10.445.000.000 |

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 23,397,000,000 | | | 23,397,000,000 |
| <i>Biệt thự Vân Canh</i> | 23,397,000,000 | | | 23.397.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 34,001,004,365 | 4,318,840,445 | 2,595,091,959 | 35,724,752,851 |
| <i>Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm</i> | | 4.750.000.000 | | 4.750.000.000 |
| <i>Dự án phân xưởng Bình nước nóng</i> | 29,021,662,866 | 4 200 077 973 | 2 555 341 624 | 30,666,399,215 |
| <i>Công trình khác</i> | 229,341,499 | 118 762 472 | 39 750 335 | 308,353,636 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 147,301,267 | | | 147,301,267 |
| Cộng | 57,545,305,632 | 4,318,840,445 | 2,595,091,959 | 59,269,054,118 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | 96,719,450 | 827,658,269 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà | 96,719,450 | 55,698,017 |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | | 771,960,252 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 68,992,927,019 | 100,407,450,422 |
| JINDAL STAINLESS LIMITED | | 2,311,477,000 |
| Công ty TNHH POSCO VST | 35,719,869,511 | 52,399,603,011 |
| Công ty TNHH Trung tâm gia công POSCO Việt Nam (POSCO-VHPC) | | 12,459,557,428 |
| Công ty CP Quốc tế Inox Hòa Bình | 10,268,972,043 | |
| Các nhà cung cấp khác | 23,004,085,465 | 33,236,812,983 |
| Cộng | 69,089,646,469 | 101,235,108,691 |

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước các bên liên quan</i> | | |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 5,591,124,628 | 6,698,307,395 |
| Đại lý Hiền Bình | | 1,221,635,102 |
| Artika for Living Inc | 1,094,104,521 | 1,094,104,521 |
| XK_RICO STEEL | 881,920,819 | 881,920,819 |
| Các khách hàng khác | 3,615,099,288 | 3,500,646,953 |
| Cộng | 5,591,124,628 | 6,698,307,395 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|-----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 10,537,808,362 | 6,324,661,350 | 14,106,217,261 | 2,756,252,451 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu ^(*) | (59,749,857) | 8 958 627 562 | 9 161 647 389 | (262,769,684) |
| Thuế xuất, nhập khẩu ^(*) | (1,033,390,793) | 2,055,500,600 | 2,220,312,751 | (1,198,202,944) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3,313,550,471 | 5,844,654,104 | 3,313,550,472 | 5,844,654,103 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 191,617,778 | 218,165,694 | 261,425,489 | 148,357,983 |
| Tiền thuê đất | (169,869,208) | 1,305,967,948 | | 1,136,098,740 |
| Các loại thuế khác | 8,415,789 | (3,200,000) | 8,415,789 | (3,200,000) |
| Cộng | 12,788,382,448 | 24,704,377,258 | 29,071,569,151 | 8,421,190,649 |

^(*) Số cuối kỳ là số tiền thuế hàng nhập khẩu nộp trước khi nhận hàng.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 29,223,270,522 | 25,784,249,626 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| <i>Chi phí không được trừ (khấu hao xe ô tô)</i> | | |
| <i>- Loại chi phí không hợp lệ</i> | | |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| <i>- Lợi nhuận, cổ tức được chia Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước</i> | | |
| <i>Chênh lệch tỷ giá của tiền và phải thu</i> | | |
| Thu nhập chịu thuế | 29,223,270,522 | 25,784,249,626 |
| Thu nhập tính thuế | | |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 5,844,654,104 | 5,672,534,918 |
| Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 5,844,654,104 | 5,672,534,918 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTND-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) với mức 33.836 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 01 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 22.510 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Chi phí lãi vay phải trả | 267,857,528 | 928,421,900 |
| Chi phí hàng khuyến mại | 4,903,490,768 | 3,191,803,506 |
| Chi phí khác | 935,868,149 | 807,168,751 |
| Cộng | <u>6,107,216,445</u> | <u>4,927,394,157</u> |

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | | |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | | 29,012,743 |
| Kinh phí công đoàn | 245,647,790 | 461,158,780 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | (179,112,301) | |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 407,758,754 | 205,090,366 |
| Cộng | <u>474,294,243</u> | <u>695,261,889</u> |

19b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 913,590,500 | 913,590,500 |
| Cộng | <u>913,590,500</u> | <u>913,590,500</u> |

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | | |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 693,624,318,381 | 693,624,318,381 | 728,382,337,765 | 728,382,337,765 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 668,991,891,995 | 668,991,891,995 | 693,821,758,153 | 693,821,758,153 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân⁽ⁱ⁾</i> | 226,752,417,319 | 226,752,417,319 | 198,030,869,575 | 198,030,869,575 |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương⁽ⁱⁱ⁾</i> | 216,074,641,136 | 216,074,641,136 | 203,549,743,966 | 203,549,743,966 |
| <i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa⁽ⁱⁱⁱ⁾</i> | | | | |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây^(iv)</i> | 117,092,293,727 | 117,092,293,727 | 173,108,497,256 | 173,108,497,256 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Hải Dương</i> | 69,939,149,874 | 69,939,149,874 | 69,157,791,216 | 69,157,791,216 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh^(v)</i> | 39,133,389,939 | 39,133,389,939 | 49,974,856,140 | 49,974,856,140 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 23,957,426,386 | 23,957,426,386 | 33,660,579,612 | 33,660,579,612 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả. | 675,000,000 | 675,000,000 | 900,000,000 | 900,000,000 |
| Cộng | 693,624,318,381 | 693,624,318,381 | 728,382,337,765 | 728,382,337,765 |

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, sửa đổi ngày 05 tháng 11 năm 2014, dư nợ vay tối đa là 320.000.000.000 VND, mục đích vay là để cấp bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT128-SONHA tháng 11 năm 2014, dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 250.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là ngày 30 tháng 9 năm 2015, được bảo đảm bằng thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền đòi nợ bán hàng.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 28.14.058.588663.TD ngày 03 tháng 6 năm 2014, doanh số cho vay tối đa 150.000.000.000 VND, trong đó dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 100.000.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C và bảo lãnh thanh toán phục vụ cho sản xuất kinh doanh bồn inox, chậu rửa, thái dương năng, inox ống.

(iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/147831/HĐTD ngày 28 tháng 4 năm 2014, sửa đổi ngày 26 tháng 5 năm 2015, hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ vay tối đa là 300.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0704/2015/HĐHM/PVB-KHDN-CNBN ngày 22 tháng 4 năm 2015, hạn mức 10.000.000 USD bao gồm hạn mức cho vay và hạn mức mở L/C, dư nợ cho vay tối đa 150 tỷ VND hoặc USD tương đương, hạn mức phát hành thư tín dụng (L/C trả ngay hoặc trả chậm tối đa 180 ngày) là 10.000.000 USD, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Tăng do đánh giá lại CLTG cuối kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 693,821,758,153 | 331,562,921,561 | | (275,872,053) | (356 116 915 666) | 668,991,891,995 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 33,660,579,612 | | | | (9,703,153,226) | 23,957,426,386 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 900,000,000 | | | | (225,000,000) | 675,000,000 |
| Cộng | 728,382,337,765 | 331,562,921,561 | | (275,872,053) | (366,045,068,892) | 693,624,318,381 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | | |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 67,324,579,465 | 67,324,579,465 | 56,466,149,127 | 56,466,149,127 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾ | 36,697,400,489 | 36,697,400,489 | 26,462,621,151 | 26,462,621,151 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾ | 15,077,418,290 | 15,077,418,290 | 14,453,767,290 | 14,453,767,290 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 159,062,500 | 159,062,500 | 159,062,500 | 159,062,500 |
| Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long ^(iv) | 3,873,120,000 | 3,873,120,000 | 3,873,120,000 | 3,873,120,000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(v) | 3,288,257,686 | 3,288,257,686 | 3,288,257,686 | 3,288,257,686 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ^(vi) | 8,229,320,500 | 8,229,320,500 | 8,229,320,500 | 8,229,320,500 |
| Nợ thuê tài chính | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - thuê tài sản là xe ô tô | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 | 1,497,505,000 |
| Cộng | 68,822,084,465 | 68,822,084,465 | 57,963,654,127 | 57,963,654,127 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDDA/NHCT128-SONHA ngày 15 tháng 4 năm 2015, số tiền vay là 23.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư dây chuyền chậu rửa cao cấp, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và không có thời gian ân hạn, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất chậu rửa cao cấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo hai (2) Hợp đồng:
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTĐTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh bằng tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTĐ ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý 01 lần.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 559.12.011.588663.TD ngày 04 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 2.545.000.000 VNĐ, mục đích là thanh toán tiền mua 8 xe ô tô ISUZU dạng cabin chassic, tải trọng 1,9 tấn theo Hợp đồng mua bán số 71/HĐMB/ISUZU/SH ký ngày 01 tháng 11 năm 2012 giữa Bên vay và Công ty TNHH Kinh doanh ô tô NISU, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô hình thành từ vốn vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số T11014015/HĐTĐ-LienVietPostBankTL ngày 23 tháng 10 năm 2014 với hạn mức 10.000.000.000 VND, mục đích vay là mua ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả gốc 3 tháng/lần, trả lãi hàng tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTĐ ngày 25 tháng 9 năm 2014 với mục đích mua máy móc thiết bị để sản xuất sản phẩm mới là máy lọc nước RO, thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả lãi hàng tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo 2 hợp đồng tín dụng:
 - Hợp đồng tín dụng số 150010/NHNTTD ngày 02 tháng 02 năm 2015 với số tiền vay là 5.128.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, mục đích là mua xe ô tô cho Dự án đầu tư phương tiện vận tải, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt bằng 140% lãi suất trong hạn, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 150026/NHNTTD ngày 20 tháng 3 năm 2015 với số tiền vay là 5.011.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, mục đích là mua xe ô tô tải cho Dự án đầu tư phương tiện vận tải, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt bằng 140% lãi suất trong hạn, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Tăng do đánh giá lại CLTG cuối kỳ</u> | <u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------|-----------------------|---------------------------------------|--|---|------------------------------------|-----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 56,466,149,127 | 10 858 430 338 | | | | 67,324,579,465 |
| Nợ thuê tài chính | 1,497,505,000 | | | | | 1,497,505,000 |
| Cộng | 57,963,654,127 | 10,858,430,338 | | | | 68,822,084,465 |

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|--------------------|---------------------------------------|-------------------|-------------------------|------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 720,162,022 | | 98 263 350 | (63 000 000) | | 755,425,372 |
| Quỹ phúc lợi | 25,030,500 | | | | | 25,030,500 |
| Cộng | 745,192,522 | | 98,263,350 | (63,000,000) | | 780,455,872 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 547,107,230,000 | 16,061,097,352 | (9.484.460.000) | 11,572,710,816 | 125,308,323,411 | 690,564,901,579 |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền | | | | | | |
| Chi phí phát hành | | | | | | |
| Lợi nhuận trong kỳ | | | | | 23,378,616,418 | 23,378,616,418 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ | | | | | | |
| Chia cổ tức | | | | | | |
| Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát | | | | | | |
| Số dư cuối kỳ này | 547,107,230,000 | 16,061,097,352 | (9.484.460.000) | 11.572.710.816 | 148,686,939,826 | 713,943,517,994 |

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 100.900.000.000 | 100.900.000.000 |
| Ông Lê Hoàng Hà | 79.580.000.000 | 79.580.000.000 |
| VIETNAM HOLDING ASSET MANAGEMENT LTD. | 37,279,160,000 | 37,279,160,000 |
| Các cổ đông khác | 329,348,070,000 | 329,348,070,000 |
| Cộng | 547.107.230.000 | 547.107.230.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 54.710.723 | 54.710.723 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 54.710.723 | 54.710.723 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 54.710.723 | 54.710.723 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 716.060 | 716.060 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 716.060 | 716.060 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 53.994.663 | 53.994.663 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 53.994.663 | 53.994.663 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 27 483.30 | 20 644.30 |
| Euro (EUR) | 868.67 | 868.67 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 56,720,499,815 | 42,417,181,577 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 329,521,660,917 | 398,629,586,200 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 15,440,733,561 | 705,126,009 |
| Cộng | <u>401,682,894,293</u> | <u>441,751,893,786</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chiết khấu thương mại | (8,473,847,932) | (28,691,474,247) |
| Hàng bán bị trả lại | (258,695,398) | (732,916,432) |
| Giảm giá hàng bán | | (8,337,826) |
| Cộng | <u>(8,732,543,330)</u> | <u>(29,432,728,505)</u> |

3. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 24,547,564,304 | 30,351,761,366 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 285,348,942,561 | 314,301,927,596 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 6,984,400,493 | 85,841,354 |
| Cộng | <u><u>316,880,907,358</u></u> | <u><u>344,739,530,316</u></u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------|--|------------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 31,400,696 | 45,814,793 |
| Lãi tiền cho vay | 2,143,593,383 | 2,441,430,221 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 370,710,107 | 180,148,550 |
| Khác | 6,291,136 | 1,287,970 |
| Cộng | <u><u>2,551,995,322</u></u> | <u><u>2,668,681,534</u></u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--------------------------------|--|-------------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 9,739,620,053 | 12,430,099,673 |
| Chiết khấu thanh toán | | |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 97,538,349 | 346,642,370 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 5,629,014,704 | |
| Chi phí tài chính khác | 4,352,949 | 2,448,472,688 |
| Cộng | <u><u>15,470,526,055</u></u> | <u><u>15,225,214,731</u></u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---------------------------------------|--|-------------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 15,043,221,761 | 12,624,734,196 |
| Chi phí bảo hiểm | 154,665,270 | 117,697,944 |
| Chi phí xăng dầu | 1,391,780,929 | 2,095,069,797 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 383,464,534 | 724,761,351 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1,088,170,259 | 910,393,855 |
| Chi phí bảo hành | 772,737,082 | 3,075,339 |
| Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu | 482,108,434 | 1,371,006,733 |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mại | 791,127,883 | 517,050,487 |
| Chi phí thuê cửa hàng, kho | 1,314,454,335 | 1,024,493,159 |
| Các chi phí khác | 5,327,596,989 | 4,434,982,726 |
| Cộng | <u><u>26,749,327,476</u></u> | <u><u>23,823,265,587</u></u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3,368,363,023 | 2,891,627,040 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | | |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 189,821,618 | 81,813,474 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 812,810,914 | 769,267,342 |
| Thuế, phí và lệ phí | | 13,418,122 |
| Chi phí dự phòng | | |
| Chi phí thanh toán, mở LC | 218,300,384 | 370,091,150 |
| Các chi phí khác | 2,699,415,198 | 1,427,240,534 |
| Cộng | 7,288,711,137 | 5,553,457,662 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | | |
| Thu nhập khác | 119,300,568 | 156,099,015 |
| Cộng | 119,300,568 | 156,099,015 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | | |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | | |
| Chi phí khác | 8,904,305 | 18,227,908 |
| Cộng | 8,904,305 | 18,227,908 |

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý I năm tài chính 2016, kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tạm ứng | 15,000,000,000 | |
| Thanh toán tạm ứng | 15,000,000,000 | |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển TM Tổng hợp Sơn Hà | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | Công ty liên kết |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Vinh Sơn